

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 74/2019/DSST

Ngày: 04/10/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Nguyên Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Lê Việt Hùng.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Bảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2019/TLST-DS, ngày 25/7/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-DS, ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 130B, đường số S, khu phố B, phường TP, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Anh **Phan Thúc Đ**, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 82, đường số C, phường DA, thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2019).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Anh **Lê Hữu V**, sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 396A/27, khóm M, thị trấn LH, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 130B, đường số S, khu phố B, phường TP, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của chị Đặng Thị T:

Chị **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 82, đường số C, phường DA, thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Thúc Đ đại diện của nguyên đơn và bị đơn anh Lê Hữu V cũng như trong bản tự khai ngày 25/9/2019 của chị Nguyễn Thị Thùy L đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T đều thừa nhận vào ngày 02/12/2017, vợ chồng anh Nguyễn Tấn Đ, chị Đặng Thị T có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Lê Hữu V vay số tiền 400.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 02 năm (từ ngày 02/12/2017 đến ngày 02/12/2019).

Sau khi vay vợ chồng chị H, anh V có trả cho vợ chồng anh Đ, chị T số tiền lãi như sau: Ngày 02/12/2017 trả 8.000.000đ, ngày 02/01/2018 trả 8.000.000đ, ngày 02/02/2018 trả 7.000.000đ, ngày 09/10/2018 trả 12.000.000đ và ngày 05/01/2019 trả 11.000.000đ. Tổng cộng 05 lần trả là 46.000.000đ. Từ tháng 01/2019, vợ chồng chị H, anh V vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh Đ, chị T thêm bất kỳ khoản tiền vốn và lãi nào.

- Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Tấn Đ và chị Đặng Thị T trình bày: Đã nhiều lần vợ chồng anh Đ, chị T liên hệ yêu cầu vợ chồng chị H, anh V thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn lãi nhưng chị H, anh V cố tình trốn tránh không thực hiện và kéo dài cho đến nay. Anh Đ khởi kiện yêu cầu chị H và anh V có trách nhiệm trả cho anh Đ, chị T số tiền vốn vay còn nợ là 400.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày vi phạm trả lãi là ngày 02/02/2018 đến ngày khởi kiện 09/7/2019 bằng số tiền: $(400.000.000đ \times 20\%/năm \times 522 \text{ ngày}) = 114.410.959đ$. Tổng cộng vốn lãi là 514.410.959đ (năm trăm mười bốn triệu, bốn trăm mười nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng).

- Bị đơn anh Lê Hữu V trình bày: Vợ chồng anh thừa nhận còn nợ vợ chồng anh Đ, chị T số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 514.410.959đ. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000đ cho đến khi hết số nợ trên.

- Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hữu V đồng ý trả cho vợ chồng anh Đ, chị T số tiền vốn vay còn nợ là 400.000.000đ và tiền lãi 20%/năm tính từ ngày vi phạm trả lãi là ngày 02/02/2018 cho đến ngày khởi kiện 09/7/2019 theo như yêu cầu của nguyên đơn. Đối với số tiền đã trả lãi của tháng 01 và tháng 02/2017 tổng cộng là 16.000.000đ không yêu cầu tính lại. Đối với số tiền đã trả lãi của các tháng tiếp theo thì yêu cầu trừ vào số tiền lãi phải trả tính ngày 02/02/2018 cho đến ngày 09/7/2019. Tuy nhiên, do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên xin trả dần cho anh Đ, chị T mỗi tháng là 5.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

Anh Phan Thúc Đ đại diện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thùy L đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với họ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Căn cứ vào hợp đồng cho vay tiền ngày 02/12/2017 được ký kết giữa nguyên đơn Nguyễn Tấn Đ với bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Hữu V. Theo đó, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền vốn 400.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, mục đích vay kinh doanh, thời hạn vay là 02 năm tính từ ngày 02/12/2017 cho đến ngày 02/12/2019. Khi vay, bên bị đơn có thể chấp cho nguyên đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp cho Nguyễn Thị Ngọc H ngày 05/12/2012 số vào sổ cấp CH00833.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bên bị đơn có thực hiện trả tiền lãi cho nguyên đơn tổng cộng 05 lần với số tiền tổng cộng là 46.0000.000đ vào các ngày cụ thể như sau: Ngày 02/12/2017 trả 8.000.000đ, ngày 02/01/2018 trả 8.000.000đ, ngày 02/02/2018 trả 7.000.000đ, ngày 09/10/2018 trả

12.000.000đ và ngày 05/01/2019 trả 11.000.000đ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bị đơn chưa trả thêm cho nguyên đơn được khoản tiền vốn lãi nào.

Do các bên đương sự đều thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Tấn Đ yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Hữu V có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Tấn Đ và chị Đặng Thị T số tiền vốn vay 400.000.000đ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được chấp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Tấn Đ yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Hữu V có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Tấn Đ và chị Đặng Thị T số tiền lãi trên vốn vay theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày vi phạm hợp đồng là ngày 02/02/2018 cho đến ngày khởi kiện là ngày 09/7/2019 bằng số tiền tổng cộng là: $(400.000.000đ \times 20\%/năm \times 522 \text{ ngày}) = 114.410.959đ$.

Phía bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là 114.410.959đ. Tuy nhiên, từ ngày 02/02/2018 thì bên bị đơn đã trả lãi cho bên nguyên đơn số tiền vào các ngày cụ thể như sau: Ngày 02/02/2018 trả 7.000.000đ, ngày 09/10/2018 trả 12.000.000đ và ngày 05/01/2019 trả 11.000.000đ. Tổng cộng là 30.000.000đ.

Như vậy, số tiền lãi đã trả 30.000.000đ phải được trừ vào số tiền lãi tính từ ngày 02/02/2018 đến ngày 09/7/2019 là 114.410.959đ bằng số tiền: $(114.410.959đ - 30.000.000đ) = 84.410.959đ$.

Đối với số tiền lãi mà bên bị đơn đã trả cho bên nguyên đơn vào ngày 02/12/2017 là 8.000.000đ và ngày 02/01/2018 là 8.000.000đ. Số tiền lãi này bên bị đơn không có yêu cầu tính lại vì đã thực hiện xong theo thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết.

Do đó, bên bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi 84.410.959đ là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Theo hợp đồng cho vay tiền ngày 02/12/2017, bên bị đơn có thể chấp cho nguyên đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp cho Nguyễn Thị Ngọc H ngày 05/12/2012 số vào sổ cấp CH00833.

Như vậy, đối nghĩa vụ của bị đơn có trách nhiệm trả bên nguyên đơn số tiền nợ vốn vay và lãi đã được Hội đồng xét xử nhận định trên, nên bên nguyên đơn phải có trách nhiệm trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

[5] Đối với yêu cầu của bên bị đơn xin trả dần số tiền vốn vay và lãi cho bên nguyên đơn mỗi tháng là 5.000.000đ. Tuy nhiên, bên nguyên đơn không đồng nên không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận và phần yêu cầu của một bên đối với bên còn lại được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn Đ.

Buộc anh Lê Hữu V và chị Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Tấn Đ và chị Đặng Thị T số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 484.410.959đ (bốn trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm mười nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng).

[2]. Buộc anh Nguyễn Tấn Đ và chị Đặng Thị T có trách nhiệm trả cho anh Lê Hữu V và chị Nguyễn Thị Ngọc H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp cho Nguyễn Thị Ngọc H ngày 05/12/2012 số vào sổ cấp CH00833.

[3] Về án phí:

3.1. Buộc anh Lê Hữu V và chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 23.376.000đ (Hai mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Buộc anh Nguyễn Tấn Đ phải nộp 1.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 12.280.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai

thu số 0005076 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên hoàn trả lại cho anh Đ số tiền là 10.780.000đ (mười triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa hoàn trả đủ số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Nguyên Khoa